

Số: /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục 15 thủ tục hành chính áp dụng tại cấp huyện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Lào Cai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 14/TTr-SVHTT ngày 10 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 15 thủ tục hành chính áp dụng tại cấp huyện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Bãi bỏ Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về

việc công bố Danh mục 20 thủ tục hành chính cấp huyện lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ;
- Cục Kiểm soát TTHC (VP Chính phủ);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- Công Thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT₄.

CHỦ TỊCH

Trịnh Xuân Trường

**DANH MỤC 15 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG TẠI CẤP HUYỆN
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO TỈNH LÀO CAI**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai)

| Số TT | Tên Thủ tục hành chính | Cách thức thực hiện | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|--------------------------------|--|---|--|---|---|--|
| Văn hóa cơ sở (06 TTHC) | | | | | | |
| 1 | Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp) | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu có) | <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện được phân cấp có văn bản thông báo yêu cầu hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả “Một cửa” của cấp huyện. | <p>Mức thu lệ phí:</p> <p>- Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:</p> <p>+ Từ 01 đến 03 phòng: 4.000.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Từ 04 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy.</p> <p>- Tại khu vực khác</p> <p>+ Từ 01 đến 03 phòng: 2.000.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Từ 04 đến 05 phòng: 3.000.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Từ 06 phòng trở lên: 6.000.000 đồng/giấy</p> | <p>- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/ 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.</p> <p>- Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.</p> <p>- Quyết định số 17/2020/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh Lào Cai Quyết định phân cấp thẩm quyền, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke trên địa bàn tỉnh Lào Cai.</p> |

| Số TT | Tên Thủ tục hành chính | Cách thức thực hiện | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-------|---|---|---|---|--|--|
| 2 | Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp) | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu có) | <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện gửi văn bản thông báo yêu cầu hoàn thiện hồ sơ</p> <p>- Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p> | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả “Một cửa” của cấp huyện. | <p>- Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Đối với trường hợp đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng là 2.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 12.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định.</p> <p>- Tại khu vực khác: Đối với trường hợp đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng là 1.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định.</p> <p>- Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/giấy.</p> | <p>- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/ 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.</p> <p>- Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.</p> <p>- Quyết định số 17/2020/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh Lào Cai Quyết định phân cấp thẩm quyền, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke trên địa bàn tỉnh Lào Cai.</p> |

| Số TT | Tên Thủ tục hành chính | Cách thức thực hiện | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-------|--|--|---|--|----------------------|--|
| 3 | Xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm | <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp - Hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến | <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả cuộc họp bình xét UBND cấp xã lập hồ sơ theo quy định trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định. - Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị tặng giấy khen, Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định tặng danh hiệu và Giấy công nhận khu dân cư văn hóa | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả “Một cửa” của cấp huyện | Không quy định | Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”; “Làng văn hóa”; “Áp văn hóa”; “Bản văn hóa”; “Tổ dân phố văn hóa”. |
| 4 | Xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa | <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp - Hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến | <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả cuộc họp bình xét, Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ theo quy định trình Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả “Một cửa” của cấp huyện | Không quy định | Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”; “Làng văn hóa”; “Áp văn hóa”; “Bản văn hóa”; “Tổ dân phố văn hóa”. |

| Số TT | Tên Thủ tục hành chính | Cách thức thực hiện | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-------|------------------------------------|--|---|--|----------------------|--|
| | | | <p>hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức Hội đồng thi đua - khen thưởng theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng.</p> <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả Hội đồng thi đua - khen thưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa.</p> | | | |
| 5 | Đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến | Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả “Một cửa” của cấp huyện | Không quy định | Nghị định 110/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội |
| 6 | Thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến | Trong thời hạn 15 ngày , kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận được văn bản thông báo, nếu không có ý kiến trả lời thì đơn vị gửi thông | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả “Một cửa” của cấp huyện | Không quy định | Nghị định 110/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội |

| Số TT | Tên Thủ tục hành chính | Cách thức thực hiện | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|---------------------------|--|---|--|--|----------------------|---|
| | | | báo được tổ chức lễ hội theo nội dung đã thông báo | | | |
| Thư viện (03 TTHC) | | | | | | |
| 07 | Thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu có) | Trong thời hạn 15 ngày , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả “Một cửa” của cấp huyện | Không | - Luật Thư viện năm 2019. - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/ 5 / 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. |
| 08 | Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu có) | Trong thời hạn 15 ngày , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ. | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả “Một cửa” của cấp huyện | Không | - Luật Thư viện năm 2019. - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/ 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/ 5 /2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. |
| 09 | Thông báo chấm dứt | Nộp hồ sơ | Trong thời hạn 15 | Bộ phận Tiếp | Không | - Luật Thư viện năm 2019. |

| Số TT | Tên Thủ tục hành chính | Cách thức thực hiện | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|---------------------------|---|---|---|--|----------------------|---|
| | hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng | trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến . (nếu có) | ngày , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ. | nhận và Trả kết quả “Một cửa” của cấp huyện | | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/ 5 /2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. |
| Gia đình (06 TTHC) | | | | | | |
| 10 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện) | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu có) | Thời gian thực hiện là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả “Một cửa” của cấp huyện | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007. - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/ 3/ 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. |

| Số TT | Tên Thủ tục hành chính | Cách thức thực hiện | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-------|---|---|---|--|----------------------|--|
| | | | | | | <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.</p> |
| 11 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện) | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu có) | Thời gian thực hiện là 15 ngày làm việc , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả “Một cửa” của cấp huyện | Không | <p>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/ 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/</p> |

| Số TT | Tên Thủ tục hành chính | Cách thức thực hiện | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-------|---|---|--|--|----------------------|--|
| | | | | | | 3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. |
| 12 | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện) | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu có) | Trong thời hạn là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả “Một cửa” của cấp huyện | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 |

| Số TT | Tên Thủ tục hành chính | Cách thức thực hiện | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-------|--|---|--|--|----------------------|---|
| | | | | | | của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. |
| 13 | Cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện) | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu có) | Trong thời hạn là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả “Một cửa” của cấp huyện | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007. - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/ 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/ 3/ 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/ 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ |

| Số TT | Tên Thủ tục hành chính | Cách thức thực hiện | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-------|---|---|--|--|----------------------|---|
| | | | | | | <p>sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.</p> |
| 14 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện) | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu có) | Trong thời hạn là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả “Một cửa” của cấp huyện | Không | <p>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/ 3/ 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/ 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ</p> |

| Số TT | Tên Thủ tục hành chính | Cách thức thực hiện | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-------|---|---|---|--|----------------------|--|
| | | | | | | tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. |
| 15 | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện) | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu có) | Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả “Một cửa” của cấp huyện | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21/3/2009; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/ 3 /2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ |

| Số TT | Tên Thủ tục hành chính | Cách thức thực hiện | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-------|------------------------|---------------------|---------------------|--------------------|----------------------|--|
| | | | | | | tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. |

Ghi chú: Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được tích hợp (tổng hợp) với nội dung Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch